TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN TỊNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 124 /2017/HNGĐ-ST
Ngày 15/9/2017
v/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Lệ Thi

2. Bà Cao Thị Ngọc Đạo

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thanh Th1, sinh năm 1992; Có mặt.

Địa chỉ: X 5, thôn Ph, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1988; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đ 7, thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1957; Có mặt.

Địa chỉ: X 3, thôn Th, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

- Chị Trương Thị Thanh Th2, sinh năm: 1989; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Th 1, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;

- Chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm: 1972; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Th P 2, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Nguyễn Ngọc X; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đ 7, thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Thanh Th1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng V trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 12/3/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị sống hạnh phúc với nhau được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh nên tính tình thay đổi, sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, chị đã nhiều lần gặp anh V để tìm hiểu nguyên nhân nhưng anh V không nói và không chịu về sống chung với chị, vợ chồng ít gặp nhau, không quan tâm đến nhau. Chị nghi ngờ anh V có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không sống chung từ tháng 6 năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

Về con chung: Vợ chồng có một con là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/6/2015 hiện nay do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 08, xã B, huyện B và gắn liền trên thửa đất có một ngôi nhà cấp 4 (thiết kế kiểu L), nhà đất hiện nay do chị đang quản lý, sử dụng. Khi ly hôn chị yêu cầu được nhận diện tích đất 156,5m^2 thuộc thửa đất nói trên và phần nhà chính diện tích xây dựng 119,5m^2 gắn liền trên đất. Phần đất, nhà còn lại chị đồng ý giao cho anh V quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của chị Trương Thị Thanh Th2 số tiền 30.000.000đồng; nợ của bà Nguyễn Thị K số tiền 12.000.000đồng và 25 chỉ vàng 24k; nợ của chị Nguyễn Thị Lan H 40.000.000đồng và nợ của ông Nguyễn Ngọc X 60.000.000đồng. Khi ly hôn chị yêu cầu để tự trả nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Hoàng V vắng mặt nhưng đã có bản tự khai ngày 13/7/2017 trình bày nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trương Thị Thanh Th1 trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 12/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh nên bảo chị Th1 dẫn con vào để sống chung cho gia đình được gần gũi nhau nhưng chị Th1 không đồng ý, anh có nhờ hai bên gia đình hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nhưng không được. Do điều kiện vợ chồng ở xa nhau nên mâu thuẫn không giải quyết được mà trở nên trầm trọng. Nay chị Th1 xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Phần trình bày về con chung của anh V đúng như chị Th1 đã trình bày. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Th1 nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Phần trình bày về tài sản chung của vợ chồng của anh V đúng như chị Th1 trình bày. Khi ly hôn anh yêu cầu được nhận một phần diện tích đất, nhà.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ đúng như chị Th1 trình bày, khi ly hôn anh yêu cầu vợ chồng mỗi người có trách nhiệm cùng trả khoản nợ này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày: Vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V và chị Trương Thị Thanh Th1 khi mua nhà đất đã mượn của bà số tiền 12.000.000đồng và 25 chỉ vàng 24k. Trước đây bà yêu cầu chị Th1, anh V phải trả nợ cho bà, tại phiên tòa hôm nay bà không yêu cầu chị Th1, anh V phải trả cho bà số nợ này.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Thanh Th2 vắng mặt nhưng đã có văn bản ngày 28/6/2017 và Đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết ngày 11/9/2017 có nội dung:

Vào tháng 5/2016 chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V và chị Trương Thị Thanh Th1 mượn số tiền 30.000.000đồng để mua nhà. Trước đây chị yêu cầu anh V, chị Th1 khi ly hôn trả nợ cho chị, nhưng tại Đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết ngày 11/9/2017 chị không yêu cầu chị Th1, anh V phải trả nợ cho chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lan H vắng mặt nhưng tại Biên bản lấy lời khai và Đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết ngày 01/8/2017 có nội dung:

Vào cuối năm 2015 chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V và chị Trương Thị Thanh Th1 mượn số tiền 40.000.000đồng để mua nhà. Nay vợ chồng Th1, V ly hôn chị không yêu cầu chị Th1, anh V phải trả cho chị số nợ này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc X vắng mặt nhưng tại đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết ngày 01/8/2017 có nội dung:

Vào cuối năm 2015 ông có cho vợ chồng anh Nguyễn Hoàng V và chị Trương Thị Thanh Th1 mượn số tiền 60.000.000đồng để mua nhà. Nay vợ chồng Th1, V ly hôn ông không yêu cầu chị Th1, anh V phải trả cho ông số nợ này.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tại phiên Tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Điều 55; khoản 1 Điều 59, khoản 3 Điều 81; 82; 83; 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thanh Th1 và anh Nguyễn Hoàng V. Ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con giao cháu Nguyễn Hoàng L cho chị Th1 nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng L đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự thỏa thuận về phân chia tài sản chung của vợ chồng giữa chị Th1 và anh V, chị Th1 được nhận 156m^2 và nhà cấp 4 găn liền trên đất diện tích 119.5m^2, anh V được nhận diện tích đất 143.5m^2 và nhà cấp 4 gắn liền trên đất diện tích 41m^2 và ngôi nhà gạch diện tích 20.5m^2.

Đối với khoản nợ của bà K, chị Th2, chị H, ông X không có ai yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp thì khởi kiện trong vụ kiện khác.

Về án phí, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để buộc các bên đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hoàng V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Lan H, chị Trương Thị Thanh Th2, ông Nguyễn Ngọc X vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thanh Th1 và anh Nguyễn Hoàng V đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T vào ngày 12/3/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính nhau, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, ở cách xa nhau nên mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th1 và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Th1 và anh V đã thỏa thuận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Th1 và và anh V.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có một con là Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/6/2015, chị Th1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh V đồng ý giao con cho chị Th1 nuôi dưỡng nên công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị Th1 và anh V, giao cháu Nguyễn Hoàng L cho chị Th1 nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th1 yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, anh V đồng ý theo yêu cầu của chị Th1, nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con giữa chị Th1 và anh V. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng L mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) thời gian cấp dưỡng được bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung: Vợ chồng có diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 08 xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp số CS02098 ngày 15/01/2016 đứng tên Nguyễn Hoàng V và Trương Thị Thanh Th1; gắn liền trên thửa đất có một ngôi nhà cấp 4 (thiết kế kiểu L), kết cấu móng đá, tường xây gạch, xà gồ gỗ, mái lợp tôn, có diện tích xây dựng 160,5m^2 và phần phía đông của thửa đất có 01 ngôi nhà gạch kết cấu móng gạch, tường xây gạch, mái lợp tôn, có diện tích xây dựng 20,5m^2, nhà đất hiện nay do chị Th1 đang quản lý, sử dụng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị Th1 và anh V không thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung, sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ngày 11/9/2017 anh V và chị Th1 đã thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Việc thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật là phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận này. Sự thỏa thuận phân chia tài sản chung giữa anh V và chị Th1 cụ thể như sau:

- Giao cho chị Trương Thị Thanh Th1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 156.5m^2, trong đó có 118.5m^2 đất ONT và 38m^2 đất thuộc chỉ giới hành lang giao thông thuộc thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 08 xã B và một phần nhà cấp 4 gắn

liền trên đất diện tích xây dựng 119,5m^2, hiện nay nhà, đất do chị Th1 đang quản lý, sử dụng; có giới cận: Phía tây giáp đất của ông Lê Minh C dài 29.93m, phía đông giáp đất chia cho anh Nguyễn Hoàng V dài 29.94m, phía Bắc giáp đường đi liên huyện dài 5.42m, phía Nam giáp đất của UBND xã quản lý dài 5.05m.

Tổng giá trị tài sản chị Trương Thị Thanh Th1 được nhận bằng hiện vật là: 276.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

- Giao cho anh Nguyễn Hoàng V được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 143,5m^2 trong đó có 111.5m^2 đất ONT và 32m^2 đất thuộc chỉ giới hành lang giao thông thuộc thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 08 xã B và một phần của ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 41m^2, một nhà gạch diện tích xây dựng 20.5 m^2 gắn liền trên đất, hiện nay nhà, đất do chị Th1 đang quản lý, sử dụng; có giới cận như sau: phía tây giáp đất chia cho chị Trương Thị Thanh Th1 dài 29.94m, phía đông giáp đất của ông Phạm Ng dài 29.94m, phía Bắc giáp đường đi liên huyện dài 4.58m, phía Nam giáp đất của UBND xã quản lý dài 5m.

Tổng giá trị tài sản anh Nguyễn Hoàng V được nhận bằng hiện vật là: 204.000.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu đồng).

Phần giá trị tài sản anh Nguyễn Hoàng V được nhận ít hơn giá trị phần tài sản chị Trương Thị Thanh Th1 được nhận nhưng anh V không yêu cầu chị Th1 trả lại giá trị chênh lệnh về nhà và đất cho anh nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ của chị Trương Thị Thanh Th2 số tiền 30.000.000đồng, nợ của bà Nguyễn Thị K số tiền 12.000.000đồng và 25 chỉ vàng 24k, nợ của chị Nguyễn Thị Lan H 40.000.000đồng và nợ của ông Nguyễn Ngọc X 60.000.000đồng.

Xét thấy: Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị K, chị Trương Thị Thanh Th2, Tòa án đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà K số 691/TB-TA ngày 28/6/2017 và cho chị T2 số 690/TB-TA ngày 28/6/2017, ấn định trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nhận được thông báo phải nộp tạm ứng án phí nhưng bà K và chị Th2 không nộp theo quy định, chị Th2 và bà K đã có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản nợ này, tại phiên tòa bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Đối với khoản nợ của chị Nguyễn Thị Lan H và ông Nguyễn Ngọc X, chị H và ông X đã có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 3.500.000đồng chị Th1 đã nộp tạm ứng, chị Th1 đồng ý chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, không yêu cầu anh V phải chịu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào biên bản thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp ngày 13/7/2017 của chị Th1 và anh V giá trị nhà cấp 4 là 1.000.000đồng/m^2 (Một triệu đồng) và giá trị đất là 1.000.000đồng/m^2 (Một triệu đồng), ngôi nhà gạch trị giá 19.500.000đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 13.800.000đồng án phí chia tài sản [(156.5m^2 x 1.000.000đồng/m^2 + 119.5m^2 x 1.000.000đồng/m^2) x5%], tổng cộng 14.100.000đồng (Mười bốn triệu một trăm nghìn).

- Anh V phải chịu tiền 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 10.200.000đồng án phí chia tài sản [(143.5m^2 x 1.000.000đồng/m^2 + 41m^2 x 1.000.000đồng/m^2 + nhà gạch 19.500.000đồng) x 5%], tổng cộng: 10.500.000đồng (Mười triệu năm trăm nghìn).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 147; khoản 1 Điều 228, 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55; Khoản 1 Điều 59, 81; 82; 83; 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thanh Th1 và anh Nguyễn Hoàng V.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận nuôi con giữa chị Th1 và anh V: Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 08/6/2015 hiện nay do chị Th1 đang nuôi dưỡng cho chị Th1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng L đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Công nhận thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng giữa chị Th1 và anh V. Cụ thể như sau:

- Giao cho chị Trương Thị Thanh Th1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 156.5m^2 trong đó có 118.5m^2 đất ONT và đất thuộc chỉ giới hành lang giao thông thuộc thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 08 xã B và phần nhà cấp 4 diện tích xây dựng 119,5m^2 gắn liền trên đất, hiện nay nhà, đất do chị Th1 đang quản lý, sử dụng; có giới cận: Phía tây giáp đất của ông Lê Minh C dài 29.93m, phía đông giáp đất chia cho anh Nguyễn Hoàng V dài 29.94m, phía Bắc giáp đường đi liên huyện dài 5.42m, phía Nam giáp đất của UBND xã quản lý dài 5.05m (Ký hiệu A).

- Giao cho anh Nguyễn Hoàng V được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 143,5m^2 trong đó có 111.5m^2 đất ONT và 32m^2 đất thuộc chỉ giới hành lang giao thông thuộc thửa đất số 1063, tờ bản đồ số 08 xã B và một phần của ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 41m^2, một nhà gạch diện tích xây dựng 20.5m^2 gắn liền trên đất, hiện nay nhà, đất do chị Th1 đang quản lý, sử dụng; có giới cận: phía tây giáp đất chia cho chị Trương Thị Thanh Th1 dài 29.94m, phía đông giáp đất của ông Phạm Ng dài 29.94m, phía Bắc giáp đường đi liên huyện dài 4.58m, phía Nam giáp đất của UBND xã quản lý dài 5m, (Ký hiệu B).

(Có sơ đồ thực trạng kèm theo)

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 3.500.000đồng chị Th1 thỏa thuận chịu và đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Hoàng V phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 10.200.000đồng án phí chia tài sản, tổng cộng: 10.500.000đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Trương Thị Thanh Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 13.800.000đồng án phí chia tài sản, tổng cộng 14.100.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/ 003205 ngày 18/5/2017 và biên lai số AA/2014/0003229 ngày 21/6/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Tịnh, chị Th1 còn phải nộp 7.800.000đồng (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Tịnh Ph;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thị Tuyết Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**